TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2019/DS-PT
Ngày: 20-9-2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Ngô Tấn Lợi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 284/2019/TLPT- DS ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Đặng Văn K, sinh năm: 1975; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp An N, xã Mỹ A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho nguyên đơn: Luật sư Phạm Văn K, Văn phòng Luật sư Phạm Văn K thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Đặng Văn Q, sinh năm: 1930 (chết 22/12/2017).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng* của ông Đặng Văn Q:

2.1. Đặng Thế C, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Ấp An P, xã Hội An Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho anh C là anh Đinh Văn P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm Tân H, phường An H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019). (Có mặt)

2.2. Đặng Thị Kim C, sinh năm: 1958; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An T, xã Hội An Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Đặng Thị N, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp An T, xã Hội An Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Đặng Thị N là bà Đặng Thị Kim C, sinh năm: 1958 (theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018). (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Đặng Thế C, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Ấp An P, xã Hội An Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho anh C là anh Đinh Văn P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khóm Tân H, phường An H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019). (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Anh Đặng Văn K là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Đặng Văn K trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 656, tờ bản đồ số 2 diện tích theo đo đạc thực tế là 1.249,5m^2 (chưa cộng diện tích tranh chấp là 577,8m^2), diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 1.497m^2 đất tọa lạc xã Hội An Đ, huyện L, do anh Đặng Văn K đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất này là của cha anh K tên Đặng Văn Q1 mua của ông Phước C vào năm 1960, đến năm 1993 thì ông Đặng Văn Q1 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 1997 thì ông Đặng Văn Q1 cho anh K thửa đất 656, tờ bản đồ số 2 diện tích 1.497m^2 đất tọa lạc xã Hội An Đ, huyện L, đến năm 1998 thì anh K đi kê khai được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng là thửa 656, tờ bản đồ số 2 và sử dụng trồng lúa đến năm 2003 thì anh K bị đi cải tạo nên ở nhà ông Q1 cho chú ruột anh K (em ruột ông Q1) là ông Đặng Văn Q mượn sử dụng diện tích qua đo đạc thực tế là 577,8m^2 để trồng lúa vì hoàn cảnh gia đình ông Q lúc đó khó khăn. Việc cho mượn không có làm giấy tờ gì và cũng không ai biết việc ông Q1 cho ông Q mượn đất này. Vào năm 2009 thì anh K đòi lại diện tích đất đã cho ông Q mượn nhưng ông Q không đồng ý trả vì ông Q đã sử dụng đất. Anh K khẳng định phần đất mà anh K tranh chấp với ông Q là thuộc thửa 656 tờ

bản đồ số 2 không phải thửa 660 tờ bản đồ số 2 như phía ông Q trình bày. Nay anh Đặng Văn K yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn Q là bà Đặng Thị Kim C, Đặng Thế C, Đặng Thị N trả lại 577,8m^2 thuộc một phần của thửa 656, tờ bản đồ số 2 do anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Phần đất tranh chấp này do ông Q sử dụng từ năm 2003 đến nay, anh đồng ý với kết quả đo đạc, định giá của Tòa án, anh không có ý kiến gì.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn Q là bà Đặng Thị Kim C, Đặng Thế C, Đặng Thị N (anh Đặng Thế C ngoài tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q còn tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thành viên trong hộ ông Q). Người đại diện ủy quyền của anh Đặng Thế C, Đặng Thị N là bà Đặng Thị Kim C trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 577,8m^2 là của ông Đặng Văn Tr mua của ông Đặng Văn Q1 và ông Tr cho ông Đặng Văn Q vào năm 1976, đến năm 1993 thì ông Q đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 660, 661, 657, 658 cùng tờ bản đồ số 2 tổng diện tích 4.949m^2, ông Đặng Văn Q sử dụng phần đất này trong đó có diện tích đất tranh chấp là thửa 660 từ năm 1976 đến nay, ông Q không hay biết phần diện tích đất tranh chấp đã cấp cho ông Đặng Văn K như ông K trình bày, khi ông K tranh chấp thì gia đình ông Q mới biết ông K đã được Nhà nước đã cấp quyền sử dụng đất. Phần đất mà hiện nay anh K tranh chấp do ông Đặng Văn Q sử dụng từ năm 1976 đến khi ông Q chết hiện nay các con ông Q đang sử dụng, ranh giới giữa thửa đất anh K tranh chấp với các thửa đất còn lại của anh K và ông Q có bờ đê và giòng ranh rõ ràng để phân biệt giữa hai thửa đất, hiện phần đất tranh chấp ông Q trồng màu từ trước đến nay chứ không có trồng lúa như anh K trình bày. Phần đất tranh chấp mà Tòa án đã thẩm định đo đạc lần đầu năm 2014, lần 2 vào năm 2017 là cùng một vị trí và diện tích đất do anh K chỉ là thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 do ông Đặng Văn Q đứng tên.

Nay người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q (chị C, anh C, chị N) không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của nguyên đơn vì diện tích đất này ông Q đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 diện tích 455m^2 mục đích sử dụng đất màu và đã sử dụng từ năm 1976 đến nay. Do lúc cấp quyền sử dụng đất không có đo đạc thực tế, sau khi đo đạc thực tế diện tích đất này thừa 122,8m^2 so với quyền sử dụng đất ông Q được cấp.

Tại bản án DSST số: 24/2019/DS-ST ngày 02/4/2019 của Tòa án huyện L tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh Đặng Văn K về việc yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn Q (Đặng Thị Kim C, Đặng Thế C, Đặng Thị N) trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 577,8m^2 thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 do ông Đặng Văn Q đứng tên quyền sử dụng đất.

- Đặng Thị Kim C, Đặng Thế C, Đặng Thị N đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh lại diện tích đất thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 quyền sử dụng đất số: 01162 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/11/2000 do hộ ông Đặng Văn Q đứng tên quyền sử dụng đất cho đúng với diện tích đo đạc thực tế (kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 11/9/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

- Về chi phí thẩm định đo đạc, định giá: Do yêu cầu của anh K không được chấp nhận nên anh K phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 4.049.000 đồng (số tiền này anh K đã nộp và đã chi xong).

- Về án phí sơ thẩm dân sự: Anh Đặng Văn K phải nộp là 2.766.750đ tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào 520.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 31/10/2017 theo biên lai số 02002 và 250.000đ đã nộp ngày 21/11/2012 theo biên lai số 004759 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, anh K còn phải nộp thêm là 1.396.750đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/4/2019 anh K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm xử, anh yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của anh, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh K vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn với lý do căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh K, trích lục bản đồ số: 68/2015, tứ cận giáp thửa và sơ đồ đo đạc năm 2017, sơ đồ đo đạc năm 2014 là cùng một diện tích và vị trí đất tranh chấp thể hiện phần đất thuộc thửa 656 tờ bản đồ số 2 do anh K đứng tên quyền sử dụng đất và xem lại Công văn số: 36 của Ủy ban nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, anh K có đơn kháng cáo. Xét yêu cầu kháng cáo của anh K, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh K khởi kiện ông Q yêu cầu trả lại diện tích 577,8m^2 và cung cấp chứng cứ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 29/12/1998 thuộc thửa 656 tờ bản đồ số 2 do anh đứng tên và anh cho rằng phần đất mà ông Q đang sử dụng thuộc một phần thửa 656 tờ bản đố số 2, khi khởi kiện ban đầu anh K chỉ tranh chấp 300m^2, sau khi đo đạc thực tế diện tích 577,8m^2 nên anh K có đơn khởi kiện bổ sung tranh chấp diện tích 577,8m^2.

Trong quá trình giải quyết anh K cho rằng Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q trùng với thửa đất số 656 tờ bản đồ số 2 của anh. Khi xuống đo đạc thực tế phần đất tranh chấp, Tòa án đã có Công văn hỏi Ủy ban nhân dân huyện L là Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp.

[2] Tại Công văn số: 36/UBND-NC ngày 27/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện L xác định: Phần diện tích đang tranh chấp giữa ông Đặng Văn Q với anh Đặng Văn K theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 15/8/2014 của Tòa án. Trên cơ sở đó Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L đã phối hợp với Ủy ban xã Hội An Đ kiểm tra thực tế phần đất đang tranh chấp và đối chiếu trên sơ đồ địa chính đang quản lý thì xác định phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2, phần đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn Q. Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn Q là đúng theo quy định. Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn Q thửa 660, tờ bản đồ số 2, cấp theo hệ thống bản đồ 299, lúc cấp có xác định đúng vị trí thửa đất. Tại phiên tòa anh K thừa nhận phần diện tích đất đang tranh chấp anh không có sử dụng, mà do ông Q trực tiếp sử dụng và anh cũng không có chứng cứ giấy tờ gì chứng minh phần đất trên ông Q1 là cha của anh cho ông Q mượn canh tác. Do đó, việc anh K khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã trả lời phần đất tranh chấp thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 là do ông Q đứng tên quyền sử dụng đất và ông đang trực tiếp sử dụng nên việc yêu cầu khởi kiện của anh K là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của anh K là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên anh K phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh K yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn Q là chị Đặng Thị Kim C, anh Đặng Thế C, chị Đặng Thị N trả lại 577,8m^2 thuộc một phần của thửa 656, tờ bản đồ số 2 do anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166; Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Đặng Văn K.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là anh Đặng Văn K về việc yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Văn Q là chị Đặng Thị Kim C, anh Đặng Thế C, chị Đặng Thị N trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 577,8m^2 thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 do ông Đặng Văn Q đứng tên quyền sử dụng đất.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Chị Đặng Thị Kim C, anh Đặng Thế C, chị Đặng Thị N đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký điều chỉnh lại diện tích đất thuộc thửa 660, tờ bản đồ số 2 quyền sử dụng đất số: 01162 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 10/11/2000 do hộ ông Đặng Văn Q đứng tên quyền sử dụng đất cho đúng với diện tích đo đạc thực tế theo bản án đã tuyên (kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 03/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

4. Về chi phí thẩm định đo đạc, định giá: Do yêu cầu của anh K không được chấp nhận nên anh K phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 4.049.000 đồng (số tiền này anh K đã nộp và đã chi xong).

5. Về án phí sơ thẩm dân sự: Anh Đặng Văn K phải nộp là 2.766.750đ tiền án phí nhưng được khấu trừ vào 520.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 31/10/2017 theo biên lai số 02002 và 250.000đ đã nộp ngày 21/11/2012 theo biên lai số 004759 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, anh K còn phải nộp thêm là 1.996.750đ.

6. Án phí phúc thẩm:

Anh Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0000230 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (anh K đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Trần Phước Hội

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.